TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2023
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUANG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Dũng;

2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1973; địa chỉ: Đ, thôn A, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1971; địa chỉ: Đ, thôn A, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 18/5/2023, quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T2 trình bày:*

Bà và ông Bùi Văn H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi ngày 06/12/1991. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông H có nhiều thói hư, tật xấu như: thường xuyên uống rượu say xỉn, cờ bạc, tính cách cộc cằn, thô lỗ, không quan tâm và không có trách nhiệm chăm lo cho vợ, con. Từ đó vợ chồng phần ai nấy sống, không còn yêu thương quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng bà đề nghị được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có hai người con chung là Bùi Thị M sinh ngày 02/3/1992 và Bùi Thị Minh A, sinh ngày 08/01/2008. Con chung Bùi Thị M hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Minh A đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu giao cháu Minh A cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T2 trình bày bà và ông H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Đơn trình bày của ông Bùi Văn H đề ngày 30/5/2023, ông H trình bày:* Ông đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án. Về quan hệ hôn nhân ông và bà Trần Thị T1 kết hôn đúng quy định pháp luật, bà T1 đã bỏ nhà đi hơn ba năm nay dù ông không đánh đập, chửi bới hay xúc phạm vợ, nay bà T1 xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn. Về con chung ông và bà T1 có hai con chung là Bùi Thị M sinh ngày 02/3/1992 và Bùi Thị Minh A, sinh ngày 08/01/2008, hiện cháu Mai A1 đang ở với bà T1. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 thì ông giao cháu Mai A1 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con, trường hợp bà T1 không nhận nuôi cháu Mai A1 thì giao cháu A1 cho ông trực tiếp nuôi, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung ông và bà T1 không có.

**Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tống đạt các văn bản tố tụng, gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn,

về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T1 được ly hôn với ông Bùi Văn H, về con chung: Giao cháu Bùi Thị Minh A sinh ngày 08/01/2008 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Bùi Thị M sinh ngày 02/3/1992 hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không giải quyết, bà T1 không yêu cầu nên ông H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, sau khi ly hôn ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 trình bày bà và ông H không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T1 đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị T1 và bị đơn ông Bùi Văn H, nhưng bà T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bà T1, ông H.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T1:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T1 trình bày và cung cấp giấy chứng nhận kết hôn thể hiện bà và ông Bùi Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã Q (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi ngày 06/12/1991 nên quan hệ hôn nhân của bà T1 và ông H là hợp pháp. Theo Biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn lập ngày 31/5/2023 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q thì bà Trần Thị T1 và ông Bùi Văn H là công dân có hộ khẩu thường trú tại địa phương, địa phương không nắm được nguyên nhân và mức độ mâu thuẫn giữa bà T1 và ông H do họ không báo chính quyền địa phương, do đó đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông H không đồng ý ly hôn với bà T1 nhưng ông thừa nhận ông và bà T1 không còn chung sống hơn ba năm nay, vợ chồng phần ai nấy sống, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, không phải chứng minh, có căn cứ cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T1 đối với ông Bùi Văn H.

Về con chung: Bà T1 và ông H đều trình bày bà T1 và ông H có hai người con chung là Bùi Thị M sinh ngày 02/3/1992 và Bùi Thị Minh A, sinh ngày 08/01/2008. Con chung Bùi Thị M hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện nay bà đang trực tiếp nuôi cháu Minh A, khi ly hôn bà yêu cầu giao cháu Minh A cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tại Bản tự khai ngày 25/5/2023, cháu Minh A có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ, ông H cũng không phản đối yêu cầu về con chung của bà T1. Vì vậy căn cứ khoản 2, 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Minh A, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về con chung khi ly hôn của bà T1. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 và ông H trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T1 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

2. Bà Trần Thị T1 được ly hôn ông Bùi Văn H.

3. Bà Trần Thị T1 và ông Bùi Văn H có hai người con chung là Bùi Thị M sinh ngày 02/3/1992 và Bùi Thị Minh A, sinh ngày 08/01/2008. Con chung Bùi Thị M hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, bà T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Giao cháu Minh A cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung của bà Trần Thị T1 và ông Bùi Văn H: Bà T1 và ông H cùng trình bày không có, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Bà Trần Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng bà T1 đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0006113 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND.TP.Quảng Ngãi;
- CCTHADS.TP.Quảng Ngãi;
- UBND x.Nghĩa Dõng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Ly